**NỘI DUNG DỰ THẢO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG PHẦN 16 CỦA BỘ QCATHK**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Điều khoản** | **Nội dung Bộ QCATHK (TT01 và 03)** | **Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung** | **Lý do sửa đổi** |
| **16.003 a (1)** | Điều phái bay: Người được chỉ định bởi nhà khai thác để thực hiện việc  kiểm soát, hỗ trợ, chỉ dẫn và giám sát các hoạt động khai thác bay vì mục  đích an toàn, có trình độ phù hợp với quy định tại Phụ ước 1 của Công ước  Chi-ca-go và được Cục HKVN cấp giấy phép; | *Bãi bỏ. Thay thế định nghĩa đã có*  *trong Phụ lục 1 điều 1.007 (290) bằng định nghĩa Điều phái bay của phần 16* |  |
| **16.003 a (2)** | Giám sát bay theo thời gian: Phương thức giám sát chuyến bay đảm bảo  rằng các thông tin liên lạc của nơi đi và các thời gian đến, kịp thời cung cấp  cho trung tâm kiểm soát của Người khai thác để kiểm soát khai thác; | *Chuyển sang Phụ lục 1 điều 1.007* |  |
| **16.003 a (3)** | Giám sát bay theo địa điểm: Phương thức giám sát chuyến bay để đảm  bảo tàu bay và tổ bay được xác định vị trí sau khi hoàn thành chuyến bay  hoặc sau một thời gian tối đa nhất định không liên lạc với Người khai thác; | *Chuyển sang Phụ lục 1 điều 1.007* |  |
| **16.003 a (4)** | Kế hoạch bay: Các thông tin qui định cụ thể được cung cấp cho các đơn vị cung cấp dịch vụ không lưu, liên quan đến một chuyến bay dự định hay một phần của một chuyến bay. Mục “Kế hoạch bay” được sử dụng để hiểu theo từng trường hợp, thông tin đầy đủ trên tất cả các mục được nêu trong bản kế hoạch bay, bao gồm toàn bộ đường bay của chuyến bay, hoặc các thông tin  yêu cầu được giới hạn khi mục đích là vứt bỏ phần không cần thiết của chuyến bay như đường bay cắt, cất cánh từ, hoặc hạ cánh ở một sân bay được kiểm soát; | *Bãi bỏ. Dùng định nghĩa của Phụ lục 1 điều 1.007* |  |
| **16.003 a (5)** | Lệnh điều phái bay: Tài liệu bao gồm kế hoạch bay khai thác và các tài  liệu chuẩn bị lệnh điều phái bay khác liên quan đến chuyến bay đó hoặc  một loạt chuyến bay; | *Chuyển sang Phụ lục 1 điều 1.007* |  |
| **16.003 a (6)** | Theo dõi bay: Phương thức giám sát chuyến bay đảm bảo rằng người được  Người khai thác chỉ định theo dõi các điều kiện có thể ảnh hưởng đến  chuyến bay và có thể liên lạc với (các) chuyến bay khi đang bay; | *Chuyển sang Phụ lục 1 điều 1.007* |  |
| **16.003 a (7)** | Kiểm soát khai thác: Là cách của nhà chức trách thông qua điểm đầu,  điểm tiếp tục, điểm quay hoặc điểm cuối của một chuyến bay để giám sát an toàn của tàu bay và tính hiệu quả, quy tắc của chuyến bay; | *Bãi bỏ. Sửa đổi Phụ lục 1 điều 1.007 (145) thành:* ***Kiểm soát khai thác: Việc thực hiện quyền để bắt đầu, tiếp tục, chuyển hướng hoặc kết thúc một chuyến bay đảm bảo an toàn của tàu bay và tính hiệu quả, quy tắc của chuyến bay;*** |  |
| **16.003 a (8)** | Kế hoạch bay khai thác: Kế hoạch của Người khai thác để thực hiện chuyến bay an toàn dựa trên tính năng tàu bay và các giới hạn khai thác khác, và các điều kiện liên quan trên đường bay phải tuân thủ và ở các sân bay có liên quan. | *Bãi bỏ. Dùng định nghĩa của Phụ lục 1 điều 1.007, bổ sung: sân bay trực thăng* |  |